

KẾ HOẠCH

**Thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội
vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi
giai đoạn I: từ năm 2022 đến năm 2025 trên địa bàn huyện**

I. CĂN CỨ PHÁP LÝ

1. Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 (Sau đây viết tắt là Chương trình);

2. Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ quy định về quản lý và tổ chức thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia;

3. Nghị định số 28/2022/NĐ-CP ngày 26/4/2022 của Chính phủ về chính sách tín dụng ưu đãi thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025;

4. Thông tư số 02/2022/TT-UBND ngày 30/6/2022 của Ủy Ban Dân tộc hướng dẫn thực hiện một số dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025;

5. Thông tư số 15/2022/TT-BTC ngày 04/3/2022 của Bộ Tài chính quy định quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025;

6. Nghị quyết số 15/2022/NQ-HĐND ngày 12/7/2022 của HĐND tỉnh ban hành quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh Bình Phước;

7. Công văn số 2761/UBND-KGVX ngày 28/9/2022 của UBND tỉnh về việc triển khai, tổ chức thực hiện Kết luận số 380-KL/TU ngày 25/6/2022 của BTV Tỉnh ủy và Nghị quyết số 15/2022/NQ-HĐND ngày 12/7/2022 của HĐND tỉnh;

8. Kế hoạch số 270/KH-UBND ngày 23/9/2022 của UBND tỉnh về thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn I: từ năm 2022 đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh;

9. Quyết định số 1759/QĐ-UBND ngày 23/9/2022 của UBND tỉnh về việc phân bổ chi tiết kế hoạch vốn Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS và miền núi năm 2022.

UBND huyện xây dựng Kế hoạch thực hiện Chương trình trên địa bàn huyện, cụ thể như sau:

II. MỤC TIÊU VÀ CHỈ TIÊU PHÂN ĐẦU ĐẾN NĂM 2025

1. Mục tiêu tổng quát

Khai thác thế mạnh của các xã trong huyện, đẩy mạnh phát triển kinh tế, đảm bảo an sinh xã hội; giảm nghèo bền vững, giảm dần địa bàn đặc biệt khó khăn; sắp xếp xen ghép ổn định dân cư, xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội đồng bộ; cải thiện đời sống của nhân dân, nhất là đồng bào dân tộc thiểu số; phát triển giáo dục, đào tạo, y tế, văn hóa, nâng cao chất lượng cán bộ, công chức, viên chức, người lao động là người dân tộc thiểu số (DTTS); xóa bỏ phong tục tập quán lạc hậu đi đôi với giữ gìn, phát huy bản sắc văn hóa tốt đẹp của các dân tộc; xây dựng hệ thống chính trị cơ sở vững mạnh, giữ gìn an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội; củng cố tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân tộc.

2. Mục tiêu, nhiệm vụ cụ thể đến năm 2025

a. Mục tiêu cụ thể

- Phân đầu mức thu nhập bình quân của người dân tộc thiểu số tăng trên 02 lần so với năm 2020; Tỷ lệ hộ nghèo trong đồng bào dân tộc thiểu số mỗi năm giảm theo chỉ tiêu của tỉnh và huyện.

- 100% thôn, ấp có đường giao thông đến trung tâm xã được cứng hóa; 100% số trường, lớp học được xây dựng kiên cố, trang bị đủ các hạng mục thiết bị học tập; 100% trạm y tế cấp xã được trang bị các máy móc, đào tạo nâng cao chuyên môn đáp ứng nhu cầu khám, điều trị được đảm bảo; 100% số hộ dân được sử dụng điện lưới quốc gia và các nguồn điện khác phù hợp; 99% đồng bào dân tộc thiểu số được sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh; 100% thôn đồng bào dân tộc thiểu số có loa truyền thanh.

- Sắp xếp, bố trí xen ghép 95% số hộ di cư không theo quy hoạch; các khu vực có nguy cơ xảy ra ngập lũ, sạt lở... Giải quyết cơ bản tình trạng thiếu đất ở, nhà ở và đất sản xuất (chuyển đổi nghề, tạo sinh kế...) cho đồng bào DTTS.

- Tỷ lệ học sinh DTTS ở các cấp học: mẫu giáo 5 tuổi đến trường trên 95%, học sinh trong độ tuổi học tiểu học trên 94%, học trung học cơ sở trên 90%, học trung học phổ thông trên 80%; người từ 15 tuổi trở lên đọc thông, viết thạo tiếng phổ thông trên 90%.

- Tăng cường công tác y tế để đồng bào DTTS được tiếp cận các dịch vụ chăm sóc sức khỏe hiện đại; tiếp tục khống chế, tiến tới loại bỏ dịch bệnh ở vùng đồng bào DTTS và miền núi; 95% đồng bào DTTS tham gia BHYT. Trên 90% phụ nữ có thai

được khám thai định kỳ, sinh con ở cơ sở y tế hoặc có sự trợ giúp của cán bộ y tế; giảm tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng thể nhẹ cân xuống dưới 10%.

- Phân đầu 50% lao động trong độ tuổi được đào tạo nghề phù hợp với nhu cầu, điều kiện của người dân tộc thiểu số.

- Bảo tồn, đầu tư và phát triển các giá trị, bản sắc văn hóa truyền thống tốt đẹp của các DTTS; trên 90% thôn có nhà sinh hoạt cộng đồng; 80% thôn có đội văn hóa, văn nghệ (câu lạc bộ) truyền thống hoạt động thường xuyên, có chất lượng.

- Đào tạo, quy hoạch, xây dựng đội ngũ cán bộ người dân tộc thiểu số, nhất là các DTTS còn gặp nhiều khó khăn, có khó khăn đặc thù trên địa bàn huyện. Bảo đảm tỷ lệ cán bộ, công chức, viên chức người DTTS phù hợp với tỷ lệ cán bộ, công chức ở từng đơn vị và phù hợp với tỷ lệ dân số là người dân tộc thiểu số trên địa bàn huyện.

b. Một số nhiệm vụ, chỉ tiêu chủ yếu

- Giải quyết hỗ trợ đất ở cho 77 hộ; hỗ trợ nhà ở cho 509 hộ (sửa nhà ở là 121 hộ và xây mới 388 hộ); Hỗ trợ chuyển đổi ngành nghề, sinh kế, giải quyết việc làm cho 432 hộ.

- Hỗ trợ giải quyết nước sinh hoạt phân tán cho 117 hộ (giếng đào).

- Nhựa hóa, duy tu bảo dưỡng, nâng cấp khoảng 85 km đường giao thông nông thôn phục vụ sản xuất, đời sống nhân dân; xây dựng 02 công trình điện.

- Xây dựng, tăng cường cơ sở vật chất, thiết bị, đồ dùng dạy học cho 01 trường Phổ thông Dân tộc Nội trú THCS&THPT huyện và 04 trường học (trong đó 03 trường tiểu học và 01 trường mẫu giáo) vùng đồng bào DTTS và miền núi.

- Phân đầu trên 90% phụ nữ có thai được phổ biến kiến thức, khám thai định kỳ, hỗ trợ y tế, sinh con ở cơ sở y tế hoặc có sự trợ giúp của cán bộ y tế; hỗ trợ tăng cường dinh dưỡng cho 95% trẻ em suy dinh dưỡng vùng đồng bào DTTS.

- Đào tạo nghề cho khoảng 350 người; tạo thêm việc làm, tăng thu nhập cho khoảng 350 hộ đồng bào DTTS và hộ dân tộc Kinh nghèo, cận nghèo ở xã đặc biệt khó khăn.

- Hỗ trợ mua sắm 05 bộ công, chiêng và nhạc cụ khác cho thôn đồng bào DTTS để duy trì bản sắc dân tộc; hỗ trợ mua sắm 11 bộ trang phục dạy đánh công, chiêng; tổ chức 07 lớp truyền dạy văn hóa phi vật thể (học nhạc cụ, đánh công, chiêng, dệt thổ cẩm); bảo tồn 11 lần lễ hội truyền thống tiêu biểu; hỗ trợ đầu tư xây dựng 01 điểm đến du lịch tiêu biểu vùng DTTS.

- Hỗ trợ ứng dụng công nghệ thông tin cho đồng bào dân tộc thiểu số; hỗ trợ, tạo điều kiện cho người có uy tín trong cộng đồng làm hạt nhân chính trị, nòng cốt cơ sở; bồi dưỡng kiến thức về chính sách dân tộc, công tác dân tộc.

- Hỗ trợ cho khoảng 586 hộ được vay vốn từ ngân hàng chính sách xã hội với lãi suất bằng 50% lãi suất cho vay hộ nghèo và thời hạn vay tối đa là 15 năm để hỗ trợ mua đất ở, xây dựng nhà ở và phát triển sản xuất, chăn nuôi...

III. PHẠM VI, ĐỐI TƯỢNG, ĐỊNH MỨC, THỜI GIAN THỰC HIỆN

1. Phạm vi thực hiện

a. Chương trình được triển khai thực hiện trên địa bàn các xã, thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn huyện. Trong đó, ưu tiên nguồn lực đầu tư cho địa bàn đặc biệt khó khăn thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

b. Triển khai địa bàn huyện áp dụng thực hiện nhóm chính sách hỗ trợ cho hộ DTTS nghèo tại Dự án 1 (Tích hợp, lồng ghép Chương trình đặc thù của tỉnh giảm 1000 hộ nghèo DTTS từ năm 2023 và các năm tiếp theo).

2. Đối tượng thụ hưởng

a. Xã, thôn vùng đồng bào DTTS và MN.

b. Hộ gia đình, cá nhân người DTTS.

c. Hộ gia đình, cá nhân người dân tộc Kinh thuộc diện hộ nghèo, cận nghèo sinh sống ở xã, thôn ĐBK.

d. Doanh nghiệp, Hợp tác xã, các tổ chức kinh tế hoạt động ở địa bàn các xã, thôn đặc biệt khó khăn.

3. Định mức hỗ trợ

a. Nguồn ngân sách Trung ương theo Thông tư số 02/2022/TT-UBND ngày 30/6/2022 của Ủy Ban Dân tộc hướng dẫn thực hiện một số dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 (*viết tắt là Thông tư số 02/2022/TT-UBND ngày 30/6/2022 của Ủy Ban Dân tộc*); Thông tư số 15/2022/TT-BTC ngày 04/3/2022 của Bộ Tài chính quy định quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 (*viết tắt là Thông tư số 15/2022/TT-BTC ngày 04/3/2022 của Bộ Tài chính*).

b. Nguồn ngân sách địa phương bố trí tối thiểu theo quy định tại Điều 4 của Nghị quyết số 15/2022/NQ-HĐND ngày 12/7/2022 của HĐND tỉnh ban hành quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh Bình Phước (*viết tắt là Nghị quyết số 15/2022/NQ-HĐND ngày 12/7/2022 của HĐND tỉnh*) và nguồn vốn ngân sách tỉnh, huyện thực hiện lồng ghép Chương trình đặc thù giảm 1.000 hộ nghèo DTTS trên địa bàn huyện giai đoạn 2023 - 2025.

c. Nguồn vốn vay từ Ngân hàng Chính sách xã hội huyện theo quy định tại Nghị định số 28/2022/NĐ-CP ngày 26/4/2022 của Chính phủ về chính sách tín dụng ưu đãi thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 (*viết tắt là Nghị định số 28/2022/NĐ-CP ngày 26/4/2022 của Chính phủ*);

d. Nguồn lồng ghép hỗ trợ xây dựng nhà ở từ quỹ vận động của Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh, huyện và nguồn vận động hợp pháp khác theo quy định.

4. Thời gian thực hiện: Từ năm 2022 đến năm 2025.

IV. NGUYÊN TẮC THỰC HIỆN

Thực hiện theo quy định tại Điều 4 của Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ về quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia; Điều 3 Thông tư số 02/2022/TT-UBND ngày 30/6/2022 của Ủy Ban Dân tộc và các văn bản khác liên quan.

V. CÁC DỰ ÁN THÀNH PHẦN CỦA CHƯƠNG TRÌNH

Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn I: từ năm 2022 đến năm 2025 được thực hiện đồng bộ theo 10 dự án thành phần, cụ thể như sau:

1. DỰ ÁN 1: GIẢI QUYẾT TÌNH TRẠNG THIẾU ĐẤT Ở, NHÀ Ở, ĐẤT SẢN XUẤT, NƯỚC SINH HOẠT

a. Đối tượng thụ hưởng: Hộ dân tộc thiểu số nghèo; hộ dân tộc Kinh nghèo sinh sống ở xã, thôn ĐBKK vùng đồng bào DTTS và MN chưa có đất ở; chưa có nhà ở hoặc nhà ở bị dột nát, hư hỏng; làm nghề nông, lâm nghiệp nhưng không có hoặc thiếu trên 50% đất sản xuất theo định mức quy định của địa phương; có khó khăn về nước sinh hoạt; chưa có nhà vệ sinh; chưa có điện sinh hoạt; Ưu tiên hộ nghèo DTTS thuộc danh sách các dân tộc còn gặp nhiều khó khăn, có khó khăn đặc thù; hộ nghèo có phụ nữ là chủ hộ và là lao động duy nhất, trực tiếp nuôi dưỡng người thân không còn khả năng lao động hoặc chưa đến độ tuổi lao động.

b. Nội dung: Thực hiện theo điểm c khoản 1 mục III của Chương trình (ban hành kèm theo tại Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ) và các nội dung chính sách hỗ trợ đặc thù trong Chương trình giảm 1000 hộ nghèo DTTS (từ năm 2023 đến năm 2025) như: Xây dựng nhà ở, hỗ trợ xây dựng nhà vệ sinh, kéo điện sinh hoạt. Cụ thể theo phụ lục kèm theo Kế hoạch này.

c. Phân công thực hiện:

- Phòng Nội vụ, Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì, phối hợp với Phòng Dân tộc - Tôn giáo và các phòng, ban có liên quan tổ chức triển khai thực hiện; kiểm tra, giám sát, đánh giá và tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện Dự án theo định kỳ, đột xuất.

- Các phòng, ban liên quan được giao chủ trì và UBND các xã tổ chức thực hiện Dự án trên địa bàn và báo cáo kết quả thực hiện Dự án theo định kỳ, đột xuất.

d. Dự kiến nguồn vốn thực hiện Dự án 1 là: 70.274 triệu đồng, trong đó:

- Ngân sách Trung ương: 24.568 triệu đồng;
- Ngân sách địa phương đối ứng thực hiện Chương trình: 3.846 triệu đồng, trong đó (Ngân sách tỉnh 2.457 triệu đồng; ngân sách huyện 1.389 triệu đồng);
- Vay Ngân hàng chính sách xã hội: 5.860 triệu đồng;
- Ngân sách tỉnh thực hiện 03 năm (2023-2025) chương trình đặc thù giảm 1.000 hộ nghèo DTTS tích hợp lồng ghép khoảng trên 36.000 triệu đồng.

2. DỰ ÁN 2: QUY HOẠCH, SẮP XẾP, BỐ TRÍ, ỔN ĐỊNH DÂN CƯ VÙNG ĐẶC BIỆT KHÓ KHĂN VÀ NHỮNG NƠI CẦN THIẾT

a. Đối tượng, địa bàn áp dụng: Hộ gia đình được bố trí ổn định theo hình thức tái định cư xen ghép hoặc ổn định tại chỗ theo quy hoạch, kế hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt, bao gồm: Hộ đồng bào dân tộc thiểu số còn du canh, du cư; hộ gia đình cá nhân di cư tự do đến địa bàn các xã, thôn đặc biệt khó khăn; Hộ gia đình, cá nhân sống ở địa bàn đặc biệt khó khăn; hộ gia đình, cá nhân tự nguyện di chuyển đến sinh sống ở các xã biên giới, các điểm bố trí dân cư tập trung hoặc được bố trí đến sinh sống ổn định ở các xã biên giới, các điểm bố trí dân cư theo quy hoạch, kế hoạch của Nhà nước; xã, thôn đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

b. Nội dung: Thực hiện theo điểm c khoản 2 mục III của Chương trình (ban hành kèm theo tại Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ); Cụ thể theo phụ lục kèm theo Kế hoạch này.

c. Phân công thực hiện:

- Ban Quản lý Dự án Đầu tư Xây dựng huyện chủ trì, phối hợp với Phòng Dân tộc - Tôn giáo và các phòng, ban có liên quan tổ chức triển khai thực hiện Dự án.

- Các phòng, ban liên quan được giao chủ trì và UBND các xã tổ chức thực hiện Dự án trên địa bàn và báo cáo kết quả thực hiện Dự án theo định kỳ, đột xuất.

d. Dự kiến nguồn vốn thực hiện Dự án 2 là: 129.932 triệu đồng, trong đó:

- Ngân sách Trung ương là 112.984 triệu đồng.

- Ngân sách địa phương là: 16.947 triệu đồng, trong đó (ngân sách tỉnh 11.298 triệu đồng; ngân sách huyện 5.649 triệu đồng).

3. DỰ ÁN 3: PHÁT TRIỂN SẢN XUẤT NÔNG, LÂM NGHIỆP BỀN VỮNG, PHÁT HUY TIỀM NĂNG, THẾ MẠNH CỦA CÁC ĐỊA PHƯƠNG ĐỂ SẢN XUẤT HÀNG HÓA THEO CHUỖI GIÁ TRỊ

Tiểu dự án 2: Hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị, thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi:

- Nội dung số 1: Hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị

+ Đối tượng và nội dung thực hiện: Theo điểm b khoản 3 mục III Chương trình (ban hành kèm theo tại Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ) và Phụ lục kèm theo Kế hoạch này.

+ Phân công thực hiện

* Phòng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn chủ trì, phối hợp với Phòng Dân tộc - Tôn giáo và các phòng, ban liên quan, UBND các xã có dự án hướng dẫn, tổ chức, triển khai thực hiện Hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị vùng đồng bào DTTS.

* Các phòng, ban liên quan được giao chủ trì và UBND các xã tổ chức thực hiện Dự án trên địa bàn và báo cáo kết quả thực hiện Dự án theo định kỳ, đột xuất.

+ Vốn thực hiện là: 17.425 triệu đồng, trong đó:

* Ngân sách Trung ương: 15.152 triệu đồng (vốn sự nghiệp);

* Ngân sách địa phương: 2.273 triệu đồng (vốn sự nghiệp), trong đó (ngân sách tỉnh 1.515 triệu đồng; ngân sách huyện 758 triệu đồng).

4. DỰ ÁN 4: ĐẦU TƯ CƠ SỞ HẠ TẦNG THIẾT YẾU, PHỤC VỤ SẢN XUẤT, ĐỜI SỐNG TRONG VÙNG ĐỒNG BÀO DTTS VÀ MN

Tiểu Dự án 1: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào DTTS

a. Phạm vi: Các xã, thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

b. Nội dung:

- **Nội dung số 01:** Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; ưu tiên đối với các xã đặc biệt khó khăn, thôn ĐBKK. Thực hiện theo điểm a, khoản 4, Mục III Chương trình (ban hành kèm theo Quyết định 1719/QĐ - TTg ngày 14/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ) và Phụ lục kèm theo Kế hoạch này.

- **Nội dung số 02:** Đầu tư xây dựng, cải tạo nâng cấp mạng lưới chợ vùng biên giới đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Thực hiện theo điểm a, khoản 4, mục III Chương trình (ban hành kèm theo Quyết định 1719/QĐ-TTg ngày 14/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ) và Phụ lục kèm theo Kế hoạch này.

c. Phân công thực hiện:

- Phòng Dân tộc - Tôn giáo, Ban Quản lý Dự án Đầu tư Xây dựng huyện phối hợp với các phòng, ban có liên quan hướng dẫn tổ chức thực hiện Nội dung số 01.

- Phòng Kinh tế - Hạ tầng chủ trì, phối hợp với các phòng, ban liên quan tổ chức thực hiện Nội dung số 02.

- Các phòng, ban liên quan và UBND các xã được giao chủ trì, hàng năm tổ chức thực hiện Dự án trên địa bàn và báo cáo kết quả thực hiện Dự án theo định kỳ, đột xuất.

d. Dự kiến nguồn vốn thực hiện Dự án 4 là: 182.720 triệu đồng, trong đó:

- Ngân sách Trung ương: 158.887 triệu đồng;

- Ngân sách địa phương: 23.833 triệu đồng, trong đó (ngân sách tỉnh 15.889 triệu đồng; ngân sách huyện 7.944 triệu đồng).

5. DỰ ÁN 5: PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC ĐÀO TẠO NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG NGUỒN NHÂN LỰC

5.1. Tiểu Dự án 1: Đổi mới hoạt động, củng cố phát triển các trường phổ thông dân tộc nội trú (DTNT), hỗ trợ trường tiểu học bán trú vùng đồng bào dân tộc thiểu số

a. Đối tượng và nội dung: Thực hiện theo điểm a khoản 5 Mục III Chương trình ban hành kèm theo Quyết định 1719/QĐ-TTg ngày 14/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ và Phụ lục kèm theo Kế hoạch này.

b. Phân công thực hiện:

- Ban Quản lý Dự án Đầu tư Xây dựng huyện chủ trì, phối hợp với Trường PTDTNT THCS - THPT và Phòng Giáo dục - Đào tạo, các phòng, ban, đơn vị có liên quan tổ chức triển khai thực hiện dự án.

- Các phòng, ban liên quan được giao chủ trì và UBND các xã tổ chức thực hiện Dự án trên địa bàn và báo cáo kết quả thực hiện Dự án theo định kỳ, đột xuất.

c. Nguồn vốn thực hiện là: 38.873 triệu đồng, bao gồm:

- Ngân sách Trung ương là: 33.803 triệu đồng;

- Ngân sách địa phương: 5.070 triệu đồng, trong đó (ngân sách tỉnh 3.380 triệu đồng; ngân sách huyện 1.690 triệu đồng).

5.2. Tiểu Dự án 2: Bồi dưỡng kiến thức dân tộc

a. Đối tượng và nội dung thực hiện: Thực hiện theo điểm b khoản 5 Mục III Chương trình (ban hành kèm theo Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ) và Kế hoạch số 306/KH-UBND ngày 11/12/2020 của UBND tỉnh về đào tạo, bồi dưỡng kiến thức dân tộc và tiếng DTTS đối với cán bộ, công chức, viên chức giai đoạn 2020 - 2025 trên địa bàn tỉnh; Công văn số 42/UBND-NC ngày 20/01/2020 của UBND huyện về việc đăng ký tham gia đào tạo, bồi dưỡng kiến thức dân tộc đối với cán bộ, công chức, viên chức giai đoạn 2020 - 2025.

b. Dự kiến nguồn vốn thực hiện là: 150 triệu đồng, trong đó:

- Ngân sách trung ương: 130 triệu đồng (vốn sự nghiệp).

- Ngân sách địa phương: 20 triệu đồng (vốn sự nghiệp), trong đó (ngân sách tỉnh 13 triệu đồng; ngân sách huyện 7 triệu đồng).

c. Phân công thực hiện:

- Phòng Dân tộc - Tôn giáo chủ trì, phối hợp với các phòng, ban có liên quan tổ chức triển khai thực hiện dự án.

- UBND các xã tổ chức thực hiện dự án trên địa bàn và tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện dự án theo định kỳ, đột xuất.

5.3. Tiểu Dự án 3: Dự án phát triển giáo dục nghề nghiệp và giải quyết việc làm cho người lao động vùng dân tộc thiểu số và miền núi

a. Đối tượng và nội dung thực hiện: Theo điểm c, khoản 5, Mục III Chương trình (ban hành kèm theo Quyết định số 1719/QĐ - TTg ngày 14/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ) và Phụ lục kèm theo Kế hoạch này.

b. Dự kiến Nguồn vốn thực hiện là: 1.600 triệu đồng, trong đó:

- + Ngân sách trung ương: 1.391 triệu đồng (vốn sự nghiệp).

- + Ngân sách địa phương: 209 triệu đồng (vốn sự nghiệp), trong đó (ngân sách tỉnh 139 triệu đồng; ngân sách huyện 70 triệu đồng).

c. Phân công thực hiện:

- Phòng Nội vụ - Lao động - Thương binh và Xã hội là cơ quan chủ trì, phối hợp với các phòng, ban có liên quan tổ chức, triển khai thực hiện dự án.

- UBND các xã phối hợp với các đơn vị liên quan tổ chức thực hiện dự án trên địa bàn và tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện dự án theo định kỳ, đột xuất.

5.4. Tiểu Dự án 4: Đào tạo nâng cao năng lực cho cộng đồng và cán bộ triển khai Chương trình ở các cấp

a. Đối tượng và nội dung thực hiện: Theo điểm d khoản 5 Mục III Chương trình (ban hành kèm theo Quyết định 1719/QĐ-TTg ngày 14/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ) và Phụ lục kèm theo Kế hoạch này.

b. Dự kiến nguồn vốn thực hiện là: 700 triệu đồng, trong đó:

- Ngân sách Trung ương là 609 triệu đồng (nguồn sự nghiệp).
- Ngân sách địa phương là 91 triệu đồng (nguồn sự nghiệp), trong đó (ngân sách tỉnh 61 triệu đồng; ngân sách huyện 30 triệu đồng).

c. Phân công thực hiện:

- Phòng Dân tộc - Tôn giáo chủ trì, phối hợp với các phòng, ban có liên quan và UBND các xã tổ chức triển khai thực hiện dự án.

- UBND các xã tổ chức thực hiện dự án trên địa bàn xã và tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện dự án theo định kỳ, đột xuất.

5.5. Dự kiến nguồn vốn thực hiện Dự án 5 là: 41.323 triệu đồng, trong đó:

- Ngân sách Trung ương: 35.933 triệu đồng;
- Ngân sách địa phương: 3.390 triệu đồng, trong đó (ngân sách tỉnh 3.593 triệu đồng; ngân sách huyện 1.797 triệu đồng).

6. DỰ ÁN 6: BẢO TỒN, PHÁT HUY GIÁ TRỊ VĂN HÓA TRUYỀN THỐNG TỐT ĐẸP CỦA CÁC DÂN TỘC THIỂU SỐ GẮN VỚI PHÁT TRIỂN DU LỊCH

a. Đối tượng và nội dung thực hiện: Theo khoản 6 Mục III Chương trình (ban hành kèm theo Quyết định 1719/QĐ-TTg ngày 14/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ) và Phụ lục kèm theo Kế hoạch này.

b. Phân công thực hiện:

- Phòng Văn hóa - Thông tin chủ trì, phối hợp với các phòng, ban có liên quan và UBND các xã tổ chức thực hiện các nội dung được giao.

- UBND các xã phối hợp với Phòng Văn hóa - Thông tin tổ chức thực hiện dự án trên địa bàn và tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện dự án theo định kỳ, đột xuất.

c. Dự kiến nguồn vốn thực hiện Dự án 6 là: 9.871 triệu đồng, trong đó:

- Ngân sách Trung ương: 8.583 triệu đồng.
- Ngân sách địa phương: 1.287 triệu đồng, trong đó (ngân sách tỉnh 858 triệu đồng; ngân sách huyện 429 triệu đồng).

7. DỰ ÁN 7: CHĂM SÓC SỨC KHỎE NHÂN DÂN, NÂNG CAO THỂ TRẠNG, TÂM VÓC NGƯỜI DÂN TỘC THIỂU SỐ; PHÒNG CHỐNG SUY DINH DƯỠNG TRẺ EM

a. Đối tượng và nội dung thực hiện: Theo khoản 7 mục III Chương trình ban (hành kèm theo Quyết định 1719/QĐ-TTg ngày 14/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ) và Phụ lục kèm theo Kế hoạch này.

b. Phân công thực hiện:

- Trung tâm Y tế huyện chủ trì, phối hợp với các phòng, ban có liên quan và UBND các xã tổ chức triển khai thực hiện dự án.

- UBND các xã phối hợp với Trung tâm Y tế tổ chức thực hiện dự án trên địa bàn và tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện dự án theo định kỳ, đột xuất.

c. Dự kiến nguồn vốn thực hiện Dự án 7 là: 6.432 triệu đồng, trong đó:

- Ngân sách Trung ương: 5.593 triệu đồng (vốn sự nghiệp).

- Ngân sách địa phương: 839 triệu đồng (vốn sự nghiệp), trong đó (ngân sách tỉnh 559 triệu đồng; ngân sách huyện 280 triệu đồng).

8. DỰ ÁN 8: THỰC HIỆN BÌNH ĐẲNG GIỚI VÀ GIẢI QUYẾT NHỮNG VẤN ĐỀ CẤP THIẾT ĐỐI VỚI PHỤ NỮ VÀ TRẺ EM

a. Đối tượng và nội dung thực hiện: Thực hiện theo Khoản 8 Mục III Chương trình (ban hành kèm theo Quyết định 1719/QĐ-TTg ngày 14/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ) và Phụ lục kèm theo Kế hoạch này.

b. Phân công thực hiện:

- Phòng Nội vụ - Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì, phối hợp với các phòng, ban có liên quan và UBND các xã tổ chức triển khai thực hiện dự án.

- UBND các xã phối hợp với Phòng Nội vụ - Lao động - Thương binh và Xã hội tổ chức thực hiện dự án trên địa bàn và tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện theo định kỳ, đột xuất.

c. Dự kiến nguồn vốn thực hiện Dự án 8 là: 600 triệu đồng, trong đó:

- Ngân sách Trung ương: 522 triệu đồng (vốn sự nghiệp).

- Ngân sách địa phương: 78 triệu đồng (vốn sự nghiệp), trong đó (ngân sách tỉnh 52 triệu đồng; ngân sách huyện 26 triệu đồng).

9. DỰ ÁN 9: ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NHÓM DÂN TỘC THIỂU SỐ RẤT ÍT NGƯỜI VÀ NHÓM DÂN TỘC CÒN NHIỀU KHÓ KHĂN; GIẢM THIỂU TÌNH TRẠNG TẢO HÔN VÀ HÔN NHÂN CẬN HUYẾT THỐNG TRONG VÙNG ĐỒNG BÀO DTTS VÀ MN:

9.1. Tiểu Dự án 1: Đầu tư phát triển kinh tế - xã hội các dân tộc còn gặp nhiều khó khăn, dân tộc có khó khăn đặc thù

a. Đối tượng, phạm vi và nội dung: Thực hiện theo Điểm a Khoản 9 Mục III Chương trình (ban hành kèm theo Quyết định 1719/QĐ-TTg ngày 14/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ) và Phụ lục kèm theo Kế hoạch này.

b. Phân công thực hiện:

- Phòng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn chủ trì, phối hợp với các phòng, ban có liên quan và UBND các xã tổ chức triển khai thực hiện Tiểu dự án.

- UBND các xã phối hợp với Phòng Nông nghiệp và phát triển Nông thôn tổ chức thực hiện dự án trên địa bàn và tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện dự án theo định kỳ, đột xuất.

c. Dự kiến nguồn vốn thực hiện là: 25.500 triệu đồng, trong đó:

- Ngân sách Trung ương: 22.174 triệu đồng.

- Ngân sách địa phương: 3.326 triệu đồng, trong đó (ngân sách tỉnh 2.217 triệu đồng; ngân sách huyện 1.109 triệu đồng).

9.2. Tiểu Dự án 2: Giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trong vùng đồng bào DTTS và miền núi

a. Đối tượng và nội dung thực hiện: Theo Điểm b Khoản 9 Mục III Chương trình (ban hành kèm theo Quyết định 1719/QĐ-TTg ngày 14/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ) và Phụ lục kèm theo Kế hoạch này.

b. Phân công thực hiện

- Phòng Dân tộc - Tôn giáo chủ trì, phối hợp với các phòng, ban có liên quan và UBND các xã tổ chức triển khai thực hiện dự án.

- UBND các xã phối hợp tổ chức thực hiện dự án trên địa bàn và tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện dự án theo định kỳ, đột xuất.

c. Dự kiến nguồn vốn thực hiện là: 450 triệu đồng, trong đó:

+ Ngân sách Trung ương: 391 triệu đồng (vốn sự nghiệp).

+ Ngân sách địa phương: 59 triệu đồng (vốn sự nghiệp), trong đó (ngân sách tỉnh 39 triệu đồng; ngân sách huyện 20 triệu đồng).

9.3. Dự kiến nguồn vốn thực hiện Dự án 9 là: 25.950 triệu đồng, trong đó:

- Ngân sách Trung ương: 22.565 triệu đồng.

- Ngân sách địa phương: 3.385 triệu đồng, trong đó (ngân sách tỉnh 2.257 triệu đồng; ngân sách huyện 1.128 triệu đồng).

10. DỰ ÁN 10: TRUYỀN THÔNG, TUYÊN TRUYỀN, VẬN ĐỘNG TRONG VÙNG ĐỒNG BÀO DTTS VÀ MIỀN NÚI; KIỂM TRA GIÁM SÁT, ĐÁNH GIÁ VIỆC TỔ CHỨC THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

10.1. Tiểu Dự án 1: Biểu dương, tôn vinh điển hình tiên tiến, phát huy vai trò của người có uy tín; phổ biến, giáo dục pháp luật, trợ giúp pháp lý và tuyên truyền, vận động đồng bào; truyền thông phục vụ tổ chức triển khai thực hiện Đề án tổng thể và Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030:

a. Nội dung 01: Biểu dương, tôn vinh điển hình tiên tiến, phát huy vai trò của già làng tiêu biểu, người có uy tín.

b. Nội dung số 02: Phổ biến, giáo dục pháp luật và tuyên truyền, vận động đồng bào dân tộc thiểu số.

c. Nội dung số 03: Tăng cường, nâng cao khả năng tiếp cận và thụ hưởng hoạt động trợ giúp pháp lý chất lượng cho vùng đồng bào DTTS và MN.

d. Đối tượng và nội dung: Thực hiện theo điểm a khoản 10 Mục III Chương trình (ban hành kèm theo Quyết định 1719/QĐ-TTg ngày 14/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ) và Phụ lục kèm theo Kế hoạch này.

đ. Phân công thực hiện:

- Phòng Dân tộc - Tôn giáo chủ trì, phối hợp với các phòng, ban huyện có liên quan tổ chức triển khai thực hiện dự án Nội dung 01 và nội dung 02.
- Phòng Tư pháp chủ trì, phối hợp với các phòng, ban huyện có liên quan tổ chức triển khai thực hiện dự án Nội dung 02 và nội dung 03.
- UBND các xã tổ chức thực hiện dự án trên địa bàn và tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện dự án theo định kỳ, đột xuất.

e. Dự kiến nguồn vốn thực hiện Tiểu dự án 1 là: 1.213 triệu đồng, trong đó:

- Ngân sách Trung ương: 1.055 triệu đồng (vốn sự nghiệp).
- Ngân sách địa phương: 158 triệu đồng (vốn sự nghiệp), trong đó (ngân sách tỉnh 105 triệu đồng; ngân sách huyện 53 triệu đồng).

10.2. Tiểu Dự án 2: Ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh trật tự vùng đồng bào DTTS và MN

a. Đối tượng và nội dung: Thực hiện theo điểm b khoản 10 Mục III Chương trình (ban hành kèm theo Quyết định 1719/QĐ-TTg ngày 14/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ) và Phụ lục kèm theo Kế hoạch này.

b. Phân công thực hiện:

- Phòng Văn hóa - Thông tin chủ trì, phối hợp với các phòng, ban có liên quan tổ chức triển khai thực hiện tiểu dự án “*Hỗ trợ thiết lập các điểm hỗ trợ đồng bào dân tộc thiểu số ứng dụng công nghệ thông tin tại xã để phục vụ phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh trật tự*”.

- UBND các xã phối hợp tổ chức thực hiện dự án trên địa bàn và tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện dự án theo định kỳ, đột xuất.

c. Dự kiến nguồn vốn thực hiện là: 3.216 triệu đồng, trong đó:

- Ngân sách Trung ương: 2.797 triệu đồng.
- Ngân sách địa phương: 420 triệu đồng, trong đó (ngân sách tỉnh 280 triệu đồng; ngân sách huyện 140 triệu đồng).

10.3. Tiểu Dự án 3: Kiểm tra, giám sát, đánh giá, đào tạo, tập huấn việc tổ chức thực hiện Chương trình

a. Đối tượng và nội dung: Thực hiện theo điểm c khoản 10 Mục III Chương trình (ban hành kèm theo Quyết định 1719/QĐ-TTg ngày 14/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ) và Phụ lục kèm theo Kế hoạch này.

b. Phân công thực hiện:

- Phòng Dân tộc - Tôn giáo chủ trì, phối hợp với các phòng, ban huyện có liên quan tổ chức triển khai thực hiện dự án.
- UBND các xã phối hợp tổ chức thực hiện dự án trên địa bàn và tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện dự án theo định kỳ, đột xuất.

c. Dự kiến nguồn vốn thực hiện là: 278 triệu đồng, trong đó:

- Ngân sách Trung ương: 242 triệu đồng (nguồn vốn sự nghiệp).
- Ngân sách tỉnh: 36 triệu đồng (nguồn vốn sự nghiệp), trong đó (ngân sách tỉnh 24 triệu đồng; ngân sách huyện 12 triệu đồng).

10.4. Dự kiến nguồn vốn thực hiện Dự án 10 là: 4.707 triệu đồng, trong đó:

- Ngân sách Trung ương: 4.093 triệu đồng.
- Ngân sách địa phương: 614 triệu đồng, trong đó (ngân sách tỉnh 409 triệu đồng; ngân sách huyện 205 triệu đồng).

VI. DỰ KIẾN TỔNG MỨC VỐN VÀ CƠ CẤU NGUỒN VỐN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

Dự kiến tổng nguồn vốn thực hiện giai đoạn I: từ năm 2022 đến năm 2025 là: 489.234 triệu đồng, trong đó:

1. Ngân sách Trung ương: 388.881 triệu đồng.
2. Ngân sách địa phương đối ứng thực hiện Chương trình là 58.493 triệu đồng, trong đó (ngân sách tỉnh 38.888 triệu đồng; ngân sách huyện 19.605 triệu đồng).
3. Vay Ngân hàng CSXH huyện: 5.860 triệu đồng.
4. Nguồn ngân sách tỉnh (dự kiến nguồn đầu tư) thực hiện tích hợp Chương trình đặc thù giảm 1.000 hộ nghèo DTTS của 03 năm (2023-2025) trên địa bàn huyện là 36.000 triệu đồng.

** Đối với nhu cầu nguồn vốn của huyện đăng ký thực hiện Chương trình giai đoạn 2022-2025 theo nội dung Công văn số 652/UBND-DTTG ngày 09/8/2022 của UBND huyện dự kiến là 489.234 triệu đồng, trong đó vốn ngân sách Trung ương và tỉnh 463.769 triệu đồng, vay vốn Ngân hàng CSXH dự kiến 5.860 triệu đồng. Năm 2022, huyện đã được tỉnh phê duyệt là 66.804 triệu đồng tại Công văn số 2999/UBND-KGVX ngày 13/10/2022 của UBND tỉnh, huyện đối ứng 3.121 triệu đồng, còn lại là 420.143 triệu đồng (trong đó: ngân sách Trung ương 329.690 triệu đồng; ngân sách tỉnh 68.969 triệu đồng; ngân sách huyện 16.484 triệu đồng; vay vốn NHCSXH 5.000 triệu đồng). Do vậy, hàng năm dựa trên kế hoạch phân bổ vốn của UBND tỉnh giao, UBND huyện (giao Phòng Dân tộc - Tôn giáo tham mưu) xây dựng Kế hoạch phân khai nguồn vốn được giao để triển khai thực hiện theo quy định.*

(Kèm theo biểu tổng hợp)

VII. GIẢI PHÁP, CƠ CHẾ CHÍNH SÁCH THỰC HIỆN

1. Đẩy mạnh tuyên truyền mục tiêu của Chương trình sâu rộng đến mọi cấp, mọi ngành, các tầng lớp dân cư và người dân tộc thiểu số nhằm thay đổi và chuyển biến nhận thức trong công tác dân tộc, chính sách dân tộc, giảm nghèo vùng đồng bào DTTS, khơi dậy ý chí chủ động, vươn lên của người dân tộc thiểu số, nhất là hộ nghèo, cận nghèo là đồng bào DTTS.

2. Từ nguồn ngân sách Trung ương hỗ trợ có mục tiêu, ngân sách tỉnh, huyện đối ứng, nguồn vốn vay từ Ngân hàng Chính sách xã hội. Thực hiện đa dạng hóa

nguồn vốn huy động để triển khai thực hiện, bảo đảm huy động đầy đủ, kịp thời theo đúng cơ cấu đã được quy định; vốn đối ứng, tham gia đóng góp của người dân, đối tượng thụ hưởng.

3. Đầu tư có trọng tâm, trọng điểm và bền vững; tập trung cho các xã, thôn đặc biệt khó khăn nhất; giải quyết các vấn đề bức xúc, cấp bách nhất; ưu tiên hỗ trợ hộ nghèo, các nhóm dân tộc thiểu số khó khăn nhất. Bảo đảm công khai, dân chủ, phát huy quyền làm chủ và sự tham gia tích cực, chủ động của cộng đồng và người dân; phát huy tinh thần nỗ lực vươn lên của đồng bào dân tộc thiểu số.

4. Lồng ghép việc thực hiện các chính sách nói chung và các dự án thuộc Chương trình mục tiêu Quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi với Chương trình giảm hộ nghèo đồng bào DTTS; Chương trình mục tiêu Quốc gia giảm nghèo bền vững; Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới ở các xã đặc biệt khó khăn, thôn đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

5. Tăng cường chuyển đổi số và ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá tiến độ việc thực hiện Chương trình. Phòng, chống, kịp thời phát hiện và xử lý nghiêm các hành vi tiêu cực, tham nhũng, lãng phí trong quá trình thực hiện Chương trình.

6. Trên cơ sở nguồn vốn của Trung ương, UBND tỉnh đối ứng của huyện UBND huyện giao các phòng, ban và UBND các xã xây dựng Kế hoạch thực hiện Chương trình 05 năm và hằng năm để triển khai thực hiện trên địa bàn theo các mục tiêu, nhiệm vụ của Chương trình đề ra.

7. Thành lập Ban chỉ đạo cấp huyện: Thực hiện kiện toàn Ban Chỉ đạo các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021 -2025 trên địa bàn huyện. Trong đó, giao Phòng Dân tộc - Tôn giáo là cơ quan Ủy viên thường trực của Chương trình; trưởng các phòng, ban, ngành, đoàn thể có liên quan và Chủ tịch UBND các xã là thành viên Ban Chỉ đạo (Quyết định số 2884/QĐ-UBND ngày 31/12/2021 của UBND huyện). UBND các xã căn cứ vào tình hình cụ thể của địa phương thành lập BCD, ban giám sát cộng đồng theo hướng dẫn và quy định của Chương trình.

VIII. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Phòng Dân tộc - Tôn giáo

- Là cơ quan chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan tham mưu UBND huyện theo dõi, kiểm tra, đôn đốc các đơn vị triển khai thực hiện Chương trình Mục tiêu quốc gia dân tộc và miền núi.

- Phối hợp Phòng Tài chính - Kế hoạch và các đơn vị liên có liên quan tham mưu UBND huyện phân khai các nguồn kinh phí thực hiện các chính sách, dự án đầu tư vào vùng đồng bào DTTS từ nguồn ngân sách của Trung ương và địa phương.

- Rà soát, đánh giá các chương trình, chính sách trong triển khai thực hiện kế hoạch; cập nhật tình hình, yêu cầu thực tiễn của địa phương để tham mưu, đề xuất cơ quan có thẩm quyền trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo nhằm phát huy quyền làm chủ, sự tham gia của người dân trong quá trình thực hiện các chương trình, chính sách trên địa bàn; chủ động đề xuất, giải quyết kịp thời các kiến nghị và các khó

khẩn, vướng mắc phát sinh trong quá trình triển khai thực hiện chương trình chính sách dân tộc.

- Định kỳ hoặc đột xuất, hàng năm tổng hợp tham mưu UBND huyện báo cáo kết quả thực hiện kế hoạch theo quy định.

2. Phòng Tài chính - Kế hoạch

- Chủ trì, phối hợp với các phòng, ban, đơn vị liên quan và UBND các xã tham mưu UBND huyện phân khai bố trí nguồn vốn thực hiện các chương trình, dự án đầu tư cho vùng đồng bào DTTS và miền núi.

- Tham mưu UBND huyện đề nghị UBND tỉnh bố trí nguồn vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 và kế hoạch hàng năm cho các chương trình, chính sách đầu tư vào vùng đồng bào DTTS; phối hợp giải quyết những khó khăn, vướng mắc về nguồn vốn, bố trí vốn kịp thời thực hiện kế hoạch năm và hướng dẫn việc lồng ghép các nguồn vốn của Trung ương, tỉnh hỗ trợ chương trình mục tiêu, vốn địa phương và vốn huy động nhằm thực hiện đạt mục tiêu và hiệu quả.

- Phối hợp với các phòng, ban chuyên môn hướng dẫn UBND các xã và Chủ đầu tư xây dựng, lập kế hoạch thực hiện các chương trình, chính sách đầu tư phát triển kinh tế - xã hội vào vùng đồng bào DTTS theo quy định.

- Phối hợp với các ngành liên quan tham mưu về cơ chế, chính sách để thu hút, huy động, ưu tiên sử dụng nguồn vốn cho các chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội đối với vùng DTTS, miền núi và biên giới; xây dựng giải pháp thực hiện để nâng cao hiệu quả nguồn vốn đầu tư.

- Hướng dẫn quản lý, thanh quyết toán việc sử dụng các nguồn vốn thực hiện các chương trình, chính sách, dự án của kế hoạch; đồng thời tăng cường công tác kiểm tra, giám sát việc sử dụng các nguồn vốn.

3. Phòng Giao dịch Ngân hàng Chính sách Xã hội huyện

Phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan và UBND các xã tham mưu UBND huyện triển khai thực hiện có hiệu quả việc vay vốn cho đồng bào dân tộc thiểu số theo các chương trình, chính sách; đồng thời xây dựng kế hoạch đăng ký nhu cầu nguồn vốn đề nghị Ngân hàng Chính sách Xã hội Trung ương, Ngân hàng Chính sách Xã hội tỉnh hỗ trợ để thực hiện việc cho vay đối với các hộ đồng bào dân tộc thiểu số nghèo, cận nghèo, đời sống khó khăn đảm bảo theo quy định.

4. Các phòng, ban, ngành liên quan của huyện được phân công chủ trì nội dung, Tiểu dự án, Dự án thành phần thuộc Chương trình có trách nhiệm

- Tổng hợp kết quả thực hiện; chủ động tham mưu, triển khai thực hiện các nội dung kế hoạch này đảm bảo theo đúng quy định; định kỳ hàng năm tiến hành đánh giá kết quả, hiệu quả thực hiện các nhiệm vụ được phân công báo cáo UBND huyện (qua Phòng Dân tộc - Tôn giáo) để tổng hợp theo quy định.

- Hướng dẫn UBND các xã triển khai các chỉ tiêu, nhiệm vụ và tổ chức thực hiện các nội dung, tiểu dự án, dự án thành phần thuộc Chương trình được phân công chủ trì.

- Chịu trách nhiệm rà soát, xác định địa bàn, đối tượng, nội dung chính sách, hướng dẫn các xã để tổ chức thực hiện bảo đảm không chồng chéo, trùng lặp với các Chương trình, Dự án, Đề án khác và nhiệm vụ thường xuyên của ngành mình.

- Thực hiện đầy đủ chế độ báo cáo kết quả thực hiện nội dung thành phần và sử dụng nguồn vốn được giao gửi về UBND huyện (*qua Phòng Dân tộc - Tôn giáo*) tổng hợp.

- Thường xuyên, định kỳ tổ chức các đoàn kiểm tra ở các địa phương được phân công; giám sát, kiểm tra kết quả thực hiện các nội dung của Chương trình theo lĩnh vực quản lý Nhà nước được phân công.

5. Các cơ quan, đơn vị có liên quan khác của huyện

Căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ có trách nhiệm nghiên cứu, lồng ghép thực hiện Chương trình với các Chương trình mục tiêu, dự án khác được giao chủ trì quản lý bảo đảm hiệu quả, không chồng chéo. Đài Truyền thanh huyện có trách nhiệm thực hiện nhiệm vụ tuyên truyền trên đài phát thanh theo yêu cầu của Chương trình.

6. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam huyện và các hội, đoàn thể huyện:

- Tham gia thực hiện giám sát, phản biện xã hội, hướng dẫn lồng ghép, huy động các nguồn vốn hợp pháp khác trong quá trình tổ chức triển khai thực hiện Chương trình theo quy định.

- Các đơn vị liên quan, tăng cường công tác tuyên truyền, vận động đồng bào dân tộc thiểu số đẩy mạnh các phong trào thi đua yêu nước, nêu cao ý thức tự lực, tự cường, củng cố khối đại đoàn kết dân tộc và các tầng lớp nhân dân trên địa bàn huyện; chăm lo, bồi dưỡng và phát huy vai trò của già làng tiêu biểu, người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số.

- Tuyên truyền, vận động các nhà hảo tâm đóng góp, ủng hộ cho việc xóa đói, giảm nghèo trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số nhằm đảm bảo triển khai thực hiện tốt kế hoạch này.

7. UBND các xã

- Rà soát, phê duyệt kế hoạch thực hiện Chương trình trong giai đoạn 05 năm và hàng năm bao gồm các nội dung: Kế hoạch về nguồn vốn, mục tiêu, nhiệm vụ gửi UBND huyện (*Phòng Dân tộc - Tôn giáo*) tổng hợp chung theo quy định.

- Căn cứ hướng dẫn, tổ chức triển khai thực hiện Chương trình trên địa bàn xã theo thẩm quyền, nhiệm vụ được giao và tình hình thực tế tại địa phương mình.

- Chịu trách nhiệm trực tiếp và toàn diện trong việc kiểm tra, quản lý, khai thác sử dụng Chương trình phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS và miền núi và các chính sách dân tộc trên địa bàn. Tăng cường quản lý, tuyên truyền và phát huy hiệu quả các chính sách được nhà nước hỗ trợ cho các hộ đồng bào dân tộc thiểu số từ Chương trình.

- Tổ chức và huy động các nguồn lực, lồng ghép các dự án thuộc chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình phát triển kinh tế - xã hội khác trên địa bàn để triển khai thực hiện, đảm bảo hiệu quả, tránh chồng chéo, lãng phí.

- Chỉ đạo kiện toàn hoặc thành lập mới Ban Chỉ đạo chung cho các Chương trình mục tiêu quốc gia cấp xã và phân công cán bộ tham mưu, giúp việc cho Ban Chỉ đạo cấp xã theo quy định.

- Thực hiện nghiêm túc chế độ báo cáo định kỳ, hàng tháng, quý, 6 tháng, năm và đột xuất về kết quả triển khai thực hiện Chương trình trên địa bàn xã.

Trên đây là Kế hoạch của UBND huyện về thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn I: từ năm 2022 đến năm 2025 trên địa bàn huyện. UBND huyện yêu cầu các phòng, ban, ngành huyện và UBND các xã xây dựng kế hoạch để triển khai thực hiện các nhiệm vụ được giao; tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả, bảo đảm yêu cầu theo Kế hoạch này. Trong quá trình thực hiện Kế hoạch nếu có phát sinh vướng mắc cần điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp, đề nghị các cơ quan, đơn vị, địa phương phản ánh về UBND huyện (*Phòng Dân tộc - Tôn giáo*) để tổng hợp, báo cáo Ban Dân tộc tỉnh xem xét, giải quyết./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh;
- Ban Dân tộc tỉnh;
- TT Huyện ủy, TT HĐND huyện;
- CT, Phó CT UBND huyện
- Các phòng, ban, ngành, đoàn thể huyện;
- Các thành viên BCĐ các CTMTQG huyện;
- UBND các xã;
- LĐVP, CVK;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Bà Hồng Quảng



BIỂU TỔNG HỢP

**Dự toán kinh phí thực hiện Chương trình Mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng
đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi huyện Bù Gia Mập giai đoạn I, từ năm 2022 - 2025**
(Kèm theo Kế hoạch số 170 /KH-UBND ngày 11 / 10 /2022 của UBND huyện Bù Gia Mập)

DVT: Triệu đồng

STT	Tên dự án	Đơn vị	Kinh phí				Tổng số lượng nhu cầu hỗ trợ	Kinh phí thực hiện GD 2021- 2025	Phân kỳ								Ghi chú
			NSTW	NST	NSH	Vay NHCHX H			Năm 2022		Năm 2023		Năm 2024		Năm 2025		
									Số lượng	Kinh phí	Số lượng	Kinh phí	Số lượng	Kinh phí	Số lượng	Kinh phí	
I	DỰ ÁN 1: GIẢI QUYẾT TÌNH TRẠNG THIẾU ĐẤT Ở, NHÀ Ở ĐẤT SẢN XUẤT, NƯỚC SINH HOẠT		24.568	38.457	1.389	5.860	776	70.274	87	3.726	311	23.103	202	19.379	176	18.206	
1	Chương trình giảm 1.000 hộ nghèo ĐBDTTS			36.000				36.000				12.000		12.000		12.000	
2	Chương trình phát triển kinh tế xã hội DTTS và MN		24.568	2.457	1.389	5.860	703	34.274		3.726		11.103		7.379		6.206	5.860
2.1	ND 1: Hỗ trợ Đất ở	Hộ	3.080	308	182	0	77	3.570	7	350	37	1.702	25	1.150	8	368	
2.2	ND 2: Hỗ trợ nhà ở	Hộ	17.940	1.794	1.030	5.060	509	25.824	80	3.376	170	6.716	131	5.474	128	5.198	
-	Xây mới	Hộ	15.520	1.552	776	4.100	388	21.948	61	2.806	122	5.612	107	4.922	98	4.508	8 xã
-	Sửa chữa nhà	Hộ	2.420	242	254	960	121	3.876	19	570	48	1.104	24	552	30	690	7/8 xã
2.3	ND 3: Chuyển đổi nghề	Hộ	2.022	202	101	800	82	3.125	0	0	52	1.905	11	230	10	190	
-	Hỗ trợ nông cụ, dụng cụ	Hộ	74	7	4		26	85	0	0	5	25	6	30	6	30	5/8 xã
-	Con giống các loại	Hộ	1.948	195	97	800	56	3.040	0	0	47	1.880	5	200	4	160	Bình Thắng
2.4	ND4: Hỗ trợ nước sinh hoạt		1.526	153	76		117	1.755	0	0	52	780	35	525	30	450	
-	Hỗ trợ nước sinh hoạt phân tán (giếng đào)	Cái	1.526	153	76		117	1.755	0	0	52	780	35	525	30	450	

STT	Tên dự án	Đơn vị	Kinh phí				Tổng số lượng nhu cầu hỗ trợ	Kinh phí thực hiện GD 2021-2025	Phân kỳ								Ghi chú
			NSTW	NST	NSH	Vay NHCHXH			Năm 2022		Năm 2023		Năm 2024		Năm 2025		
									Số lượng	Kinh phí	Số lượng	Kinh phí	Số lượng	Kinh phí	Số lượng	Kinh phí	
II	DỰ ÁN 2: QUY HOẠCH, SẮP XẾP, BỐ TRÍ, ÔN ĐỊNH DÂN CƯ Ở NHỮNG NƠI CẦN THIẾT		112.984	11.298	5.649			129.932		38.956		63.435		23.043		4.498	
1	Dự án xã Bù Gia Mập, huyện Bù Gia Mập	khu	67.984	6.798	3.399			78.182		22.611		28.030		23.043		4.498	BQLDA
2	Dự án xã Đắc Ô, huyện Bù Gia Mập	khu	45.000	4.500	2.250		1	51.750		16.345		35.405					BQLDA
III	DỰ ÁN 3: PHÁT TRIỂN SẢN XUẤT NÔNG, LÂM NGHIỆP, BỀN VỮNG, PHÁT HUY TIỀM NĂNG THỂ MẠNH CỦA CÁC ĐỊA PHƯƠNG ĐỂ SẢN XUẤT HÀNG HÓA THEO CHUỖI GIÁ TRỊ		15.152	1.515	758			17.425	0	0	0	9.255	0	5.085	0	3.085	
1	Tiểu DA 2: Hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị, thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi:		15.152	1.515	758			17.425		0		9.255		5.085		3.085	
1,1	ND 1: Hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị		15.152	1.515	758			17.425		0		9.255		5.085		3.085	
-	Xây dựng vùng nguyên liệu liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm đầu ra cho chế biến rượu cần	Mô hình	2.609	261	130		1	3.000		0	1	3.000					xã Bù Gia Mập
-	Mô hình HTX sản xuất điều hữu cơ, điều sạch	Ha	8.630	863	432		800	9.925		0		3.555		4.185		2.185	Xã Phú Nghĩa, Bù Gia Mập
-	Câu lạc bộ sản xuất tiêu sạch	Ha	3.913	391	196		30	4.500		0		2.700		900		900	Bù Gia Mập
IV	DỰ ÁN 4: ĐẦU TƯ CƠ SỞ HẠ TẦNG THIẾT YẾU, PHỤC VỤ SẢN XUẤT, ĐỜI SỐNG TRONG VÙNG ĐỒNG BÀO DTTS & MN VÀ CÁC ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP CỦA LĨNH VỰC DÂN TỘC		158.887	15.889	7.944			182.720		17.000		99.795		33.625		32.300	
1	TDA 1: Đầu tư CSHT thiết yếu, phục vụ SX đời sống trong vùng DB DTTS		158.017	15.802	7.901			181.720		17.000		99.795		33.625		31.300	
1.1	Đường GTNT	Công trình	99.535	9.953	4.977		85,326	114.465	6	15.045	41	48.995	17	22.025	21	28.400	

STT	Tên dự án	Đơn vị	Kinh phí				Tổng số lượng nhu cầu hỗ trợ	Kinh phí thực hiện GD 2021-2025	Phân kỳ								Ghi chú
			NSTW	NST	NSH	Vay NHCHXH			Năm 2022		Năm 2023		Năm 2024		Năm 2025		
									Số lượng	Kinh phí	Số lượng	Kinh phí	Số lượng	Kinh phí	Số lượng	Kinh phí	
-	Đường láng nhựa	km	90.203	9.020	4.510		71,662	103.733	2,812	8.563	34	45.620	15,20	21.500	19,65	28.050	xã PM, PN,ĐK,ĐH,PV,ĐƠ, BGM
-	Duy tu, bảo dưỡng, nâng cấp đường GTNT	km	8.532	853	427		13,124	9.812	3,42	5.562	7,20	3.375	1,50	525	1,00	350	Bình Thắng, Phú nghĩa, Bù Gia Mập
-	Xây kè mương thoát nước Thôn Bù Tam, Bình Giai	Công trình	800	80	40		0,540	920		920							Phước Minh
1.2	Công trình điện (vùng ĐBK 10 CT/2000; còn lại 1000)		3.309	331	165		3	3.805	1	805	3	3.000	0	0			
	- Hạ thế điện lưới (km)	km	3.309	331	165		3	3.805	1	805	3	3.000					Xã Phú Văn (2022), Đa Kìa
1.3	Nhà văn hóa	Công trình	3.652	365	183		5.339	4.200	14	0	8	2.700	5	600	4	900	
-	Xây mới nhà văn hóa	cái	1.043	104	52		5.325	1.200	0	0	1	1.200					Xã Đăk Ô
-	Nâng cấp, sửa chữa nhà văn hóa	thôn	2.609	261	130		14	3.000		0	8	1.500	5	600	2	900	xã Đa Kìa Đức Hạnh, Phú Văn, Bù Gia Mập
1.4	XD các công trình thủy lợi nhỏ		20.000	2.000	1.000			23.000				23.000					
-	- Đầu tư xây dựng kênh mương nội đồng phục vụ trồng lúa nước	km	6.957	696	348		8	8.000			8	8.000					xã Đa Kìa
-	Cải tạo nâng cấp hồ Bù Rên xã Bù Gia Mập		13.043	1.304	652		1	15.000				15.000					Bù Gia Mập
1.5	Đầu tư cơ sở hạ tầng trường học (xây mới trường học)		22.696	2.270	1.135		3	26.100				16.100		10.000			
	- Xây dựng mới trường mẫu giáo Ánh Dương (điểm Đăk U)	trường	5.304	530	265		1	6.100				6.100					xã Đăk Ô
-	- Đầu tư xây trường cụm Tiểu học Nguyễn Huệ và THCS khu vực thôn Sơn Trung	trường	17.391	1.739	870		1	20.000				10.000	1	10.000			xã ĐH
1.6	Xây cầu		8.826	883	441		24	10.150		1.150		6.000		1.000		2.000	

STT	Tên dự án	Đơn vị	Kinh phí				Tổng số lượng nhu cầu hỗ trợ	Kinh phí thực hiện GD 2021-2025	Phân kỳ								Ghi chú
			NSTW	NST	NSH	Vay NHCHXH			Năm 2022		Năm 2023		Năm 2024		Năm 2025		
									Số lượng	Kinh phí	Số lượng	Kinh phí	Số lượng	Kinh phí	Số lượng	Kinh phí	
	'- Làm mới cầu tại thôn Phú Nghĩa xã Phú Nghĩa	m	4.348	435	217		24	5.000				5.000					Xã Phú nghĩa
	- Cầu Dân sinh		4.478	448	224			5.150		1.150		1.000		1.000		2.000	Xã Phú Văn
1.7	Đầu tư cơ sở, vật chất và mua sắm trang thiết bị thiết yếu cho trạm y tế xã	đơn vị	2.845	284	142			3.272				2.492		600		180	Trung tâm Y tế (8/8 xã)
2	Đầu tư xây dựng, cải tạo nâng cấp mạng lưới chợ các xã biên giới		870	87	43		0	1.000	0	0						1.000	
	Nâng cấp chợ vùng biên giới xã Bù Gia Mập	chợ	870	87	43		0	1.000							1	1.000	xã BGM
V	DỰ ÁN 5: PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC ĐÀO TẠO, NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG NGUỒN NHÂN LỰC		35.933	3.593	1.797			41.323		6.774		20.879		12.780		890	
1	Tiểu DA 1: Đổi mới hoạt động củng cố phát triển các trường DTNT, trường phổ thông dân tộc bán trú, các trường phổ thông có học sinh ở bán trú và xóa mù chữ cho người dân vùng ĐBDTTS		33.803	3.380	1.690		2	38.873		6.774		20.099		12.000			
-	Xây dựng Nhà sinh hoạt văn hóa truyền thống các dân tộc thiểu số và Nhà thi đấu đa năng (Trường Dân tộc nội trú THCS và THPT Bù Gia Mập)	Hạng mục	4.957	496	248		2	5.700		1.880		3.820		0			Có tờ trình số 17 của Trường THCS&THPT DTNT huyện
-	Hỗ trợ học sinh trường Tiểu học bán trú Đa Kia C		10.435	1.043	522			12.000						12.000			xã Đa Kia
-	Trường Tiểu học Đa Kia C	trường	18.411	1.841	921		1	21.173	1	4.894		16.279					Xã Đa Kia
2	Tiểu dự án 2: Bồi dưỡng kiến thức dân tộc		130	13	7			150				50		50		50	
-	Bồi dưỡng kiến thức dân tộc cho cán bộ làm công tác dân tộc ở cơ sở	Lớp	130	13	7		3	150			1	50	1	50	1	50	Có bảng dự toán chi tiết kèm theo (Phòng DT-TG)

STT	Tên dự án	Đơn vị	Kinh phí				Tổng số lượng nhu cầu hỗ trợ	Kinh phí thực hiện GD 2021-2025	Phân kỳ								Ghi chú
			NSTW	NST	NSH	Vay NHCHXH			Năm 2022		Năm 2023		Năm 2024		Năm 2025		
									Số lượng	Kinh phí	Số lượng	Kinh phí	Số lượng	Kinh phí	Số lượng	Kinh phí	
3	Tiểu dự án 3: Phát triển giáo dục nghề nghiệp và giải quyết việc làm cho người lao động vùng DTTS & MN		1.391	139	70			1.600				480		480		640	
-	Hỗ trợ học nghề (10lớp x 160tr/lớp; 35 người/lớp)	lớp	1.391	139	70		10	1.600			3	480	3	480	4	640	Phòng NVLĐTBXH đăng ký
4	Tiểu dự án 4: Đào tạo nâng cao năng lực cho cộng đồng và cán bộ triển khai Chương trình ở các cấp		609	61	30			700		0		250		250		200	
	Nâng cao năng lực cán bộ cơ sở và cộng đồng các xã, thôn đặc biệt khó khăn	Lớp	609	61	30			700		0		250		250		200	
-	Nâng cao năng lực cán bộ cơ sở và cộng đồng xã đặc biệt khó khăn	xã	391	39	20		9	450		0	3	150	3	150	3	150	Có bảng dự toán chi tiết kèm theo (Phòng DT-TG)
-	Nâng cao năng lực cán bộ cơ sở và cộng đồng thôn đặc biệt khó khăn	thôn	217	22	11		5	250		0	2	100	2	100	1	100	Có bảng dự toán chi tiết kèm theo (Phòng DT-TG)
VI	DỰ ÁN 6: BẢO TỒN, PHÁT HUY GIÁ TRỊ VĂN HÓA TRUYỀN THỐNG TỐT ĐẸP CỦA CÁC DTTS GẮN VỚI PHÁT TRIỂN DU LỊCH.		8.583	858	429			9.871		1.559		5.020		2.464		828	
1	Tổ chức bảo tồn lễ hội truyền thống, XD sản phẩm phục vụ phát triển du lịch	Lễ hội	783	78	39		16	900	0	0	5	300	5	300	5	300	Phòng VH TT thực hiện
2	Hỗ trợ mua sắm bộ công, chiêng, mua trang phục và nhạc cụ khác	Bộ	644	64	32			741	0	0	4	570	1	130	11	41	
-	Hỗ trợ mua sắm bộ công, chiêng và nhạc cụ khác	Bộ	609	61	30		8	700	0	0	4	570	1	130			PV, PM, ĐƠ,PN

STT	Tên dự án	Đơn vị	Kinh phí				Tổng số lượng nhu cầu hỗ trợ	Kinh phí thực hiện GD 2021-2025	Phân kỳ								Ghi chú
			NSTW	NST	NSH	Vay NHCHXH			Năm 2022		Năm 2023		Năm 2024		Năm 2025		
									Số lượng	Kinh phí	Số lượng	Kinh phí	Số lượng	Kinh phí	Số lượng	Kinh phí	
-	Mua sắm bộ trang phục dạy đánh cồng, chiêng		36	4	2		0	41	0	0					11	41	xã PM
3	Mở lớp học nhạc cụ, đánh cồng, chiêng	Lớp	103	10	5		3	119	0	0	2	72	1	47			PV,PM,PN
4	Mở lớp dạy dệt thổ cẩm	Lớp	262	26	13		4	301	0	0	2	117	1	92	1	92	PN.PV
5	Bảo tồn lễ hội văn hóa truyền thống của DTTS, duy trì hoạt động của câu lạc bộ	Lần	2.444	244	122			2.811	1	276	6	1.745	4	395	3	395	
-	Bảo tồn lễ hội văn hóa truyền thống của DTTS	Lần	2.197	220	110		11	2.526	1	276	5	1.650	3	300	2	300	PN, PN, ĐƠ, Đa Kia
-	Truyền thông, vận động và hỗ trợ quảng bá du lịch	Lần	248	25	12		4	285	0	0	1	95	1	95	1	95	Phòng VH-TT thực hiện
6	Đầu tư xây dựng điểm đến du lịch	Khu	4.347	435	217		1	4.999	0	1.283	1	2.216	1	1.500			Phòng VH-TT phối hợp xã BGM
VII	DỰ ÁN 7: CHĂM SÓC SỨC KHỎE NHÂN DÂN NÂNG CAO THỂ TRẠNG, TÂM VÓC NGƯỜI DTTS; PHÒNG CHỐNG SUY DINH DƯỠNG TRẺ EM.		5.593	559	280			6.432		0		3.504		1.674		1.254	
-	Đào tạo nhân viên (y tế thôn bản; y học gia đình	Lớp	2.791	279	140			3.210		0		2.430		600		180	
-	Chăm sóc sức khỏe dinh dưỡng bà mẹ và trẻ em nhằm giảm tử vong bà mẹ, tử vong trẻ em nâng cao tâm vóc, thể lực người DTTS		2.802	280	140			3.222		0		1.074		1.074		1.074	
VIII	DỰ ÁN 8: THỰC HIỆN BÌNH ĐẲNG GIỚI VÀ GIẢI QUYẾT NHỮNG VẤN ĐỀ CẤP THIẾT ĐỐI VỚI PHỤ NỮ VÀ TRẺ EM.		522	52	26			600		0		200		200		200	

STT	Tên dự án	Đơn vị	Kinh phí				Tổng số lượng nhu cầu hỗ trợ	Kinh phí thực hiện GD 2021-2025	Phân kỳ								Ghi chú
			NSTW	NST	NSH	Vay NHCHXH			Năm 2022		Năm 2023		Năm 2024		Năm 2025		
									Số lượng	Kinh phí	Số lượng	Kinh phí	Số lượng	Kinh phí	Số lượng	Kinh phí	
1	Thực hiện bình đẳng giới (tổ chức hội nghị tuyên truyền, truyền thông về vấn đề phụ nữ và trẻ em)	Hội nghị	391	39	20		5	450	3	0	3	150	3	150	3	150	Phòng NVLĐTBXH
2	Tổ chức hội thi, các mô hình chống bạo lực gia đình mua bán phụ nữ, trẻ em	mô hình	130	13	7		4	150	1	0	1	50	1	50	1	50	Phòng NVLĐTBXH đăng ký
IX	DỰ ÁN 9: ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NHÓM DÂN TỘC THIỂU SỐ RẤT ÍT NGƯỜI VÀ NHÓM DÂN TỘC KHÓ KHĂN CÒN NHIỀU KHÓ KHĂN; GIẢM THIỂU TÌNH TRẠNG TẢO HÔN VÀ HÔN NHÂN CẬN HUYẾT THỐNG TRONG VÙNG ĐỒNG BÀO DTTS VÀ MN:		22.565	2.257	1.128		425	25.950	0	0	253	15.330	127	7.770	45	2.850	
1	Nội dung 1: Đầu tư hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội các dân tộc còn gặp nhiều khó khăn, dân tộc khó khăn đặc thù		22.174	2.217	1.109		425	25.500	0	0	253	15.180	127	7.620	45	2.700	
	- Hỗ trợ PTSX và sinh kế (con giống)		22.174	2.217	1.109		425	25.500	0	0	243	15.180	127	7.620	45	2.700	
-	Hồ trợ bò giống		21.652	2.165	1.083		415	24.900	0	0	243	14.580	127	7.620	45	2.700	8/8 xã
-	Hồ trợ heo giống		522	52	26		10	600	0	0	10	600					PV,PM
2	Nội dung 2: Giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trong vùng đồng bào DTTS&MN		391	39	20			450		0		150		150		150	
	- Đề án giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trong vùng đồng bào DTTS&MN		391	39	20			450		0		150		150		150	Có bảng dự trù chi tiết kèm theo (Phòng DT-TG)

STT	Tên dự án	Đơn vị	Kinh phí				Tổng số lượng nhu cầu hỗ trợ	Kinh phí thực hiện GD 2021-2025	Phân kỳ								Ghi chú
			NSTW	NST	NSH	Vay NHCHXH			Năm 2022		Năm 2023		Năm 2024		Năm 2025		
									Số lượng	Kinh phí	Số lượng	Kinh phí	Số lượng	Kinh phí	Số lượng	Kinh phí	
X	DỰ ÁN 10: TRUYỀN THÔNG, TUYÊN TRUYỀN, VẬN ĐỘNG TRONG VÙNG ĐỒNG BẢO DTTS VÀ MIỀN NÚI. KIỂM TRA, GIÁM SÁT VÀ ĐÁNH GIÁ VIỆC TỔ CHỨC THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH		4.093	409	205			4.707		216		1.571		1.460		1.460	
1	Tiểu dự án 1: Biểu dương, tôn vinh điển hình tiên tiến, Phát huy vai trò NCUT, phổ biến, giáo dục pháp luật và tuyên truyền vận động đồng bào; truyền thông phục vụ tổ chức triển khai thực hiện Đề án tổng thể và Chương trình phát triển KT-XH vùng ĐBDTTS & MN gđ 2021-2030		1.055	105	53			1.213				432		391		391	
1.1	Nội dung số 01: Biểu dương, tôn vinh điển hình tiên tiến, phát huy vai trò già làng tiêu biểu, NCUT trong vùng đồng bào DTTS	Người	142	14	7		3	163			1	82	1	41	1	41	Có bảng dự toán chi tiết kèm theo (Phòng DT-TG)
1.2	Nội dung số 02: Phổ biến, giáo dục pháp luật và tuyên truyền, vận động đồng bào dân tộc thiểu số	Cuộc	522	52	26		24	600	0	0	8	200	8	200	8	200	Có bảng dự toán chi tiết kèm theo (Phòng DT-TG)
1.3	Nội dung số 03: Tăng cường, nâng cao khả năng tiếp cận và thụ hưởng hoạt động trợ giúp pháp lý chất lượng cho vùng đồng bào DTTS và MN	Hội nghị	391	39	20			450		0		150		150		150	
-	Phổ biến, giáo dục pháp luật, tuyên truyền và trợ giúp pháp lý cho đồng bào DTTS	thôn	391	39	20			450	0	0	7	150	7	150	7	150	Phòng Tư pháp đăng ký
2	Tiểu dự án 02: Ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh trật tự vùng đồng bào DTTS&MN	xã	2.797	280	140		8	3.216	5	216	8	1.000	8	1.000	8	1.000	Phòng VH TT

STT	Tên dự án	Đơn vị	Kinh phí				Tổng số lượng nhu cầu hỗ trợ	Kinh phí thực hiện GD 2021-2025	Phân kỳ								Ghi chú
			NSTW	NST	NSH	Vay NHCHXH			Năm 2022		Năm 2023		Năm 2024		Năm 2025		
									Số lượng	Kinh phí	Số lượng	Kinh phí	Số lượng	Kinh phí	Số lượng	Kinh phí	
3	Tiểu dự án 03: Kiểm tra, giám sát, đánh giá, việc tổ chức thực hiện Chương trình	Cuộc	242	24	12		24	278			8	139	8	70	8	70	Có bảng dự toán chi tiết kèm theo (Phòng DT-TG)
TỔNG CỘNG:			388.881	74.888	19.605	5.860		489.234		68.231		242.092		107.480		65.571	

PHÒNG